

Bản án số: 109/2026/HS-PT
Ngày 09-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Đức.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc;

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Hương Trầm - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 28/2026/TLPT-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo Võ Kim A, do có kháng cáo của bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo: Võ Kim A (tên gọi khác: H), sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Tổ D, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: nội trợ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Bạch V, sinh năm 1961; có chồng tên Võ Ngọc B và 02 người con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; bị cáo hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Huỳnh Thị Thanh H1, Luật sư Công ty L và C - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo: Bà Phạm Thị Ngọc T, sinh năm 1979; nơi cư trú: Tổ D, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn xin vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T: Ông Đào Đức N, Luật sư Văn phòng L1 - Thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo: Ông Võ Ngọc B, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ D, khu phố K, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Toà án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Kim A và bà Phạm Thị Ngọc T có mối quan hệ quen biết nhau ngoài xã hội, do không có tiền tiêu xài nên bà T đã hỏi vay tiền Võ Kim A nhiều lần, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 15/11/2023, bà T vay số tiền 250.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, bà T thực nhận của Anh là 250.000.000 đồng, Anh tính lãi đến ngày 20/7/2024 là 08 tháng, lãi suất 10%/tháng là 200.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 05/3/2024, bà T vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, bà T nhận đủ số tiền 50.000.000 đồng. Đối với số tiền này bà T phải trả lãi tổng là 04 tháng, từ tháng 3/2024 đến ngày 20/7/2024 là 20.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 20/3/2024, bà T vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, bà T nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng. Đối với số tiền này bà T phải trả lãi tổng là 04 tháng, từ tháng 3/2024 đến ngày 20/7/2024 là 8.000.000 đồng.

Lần thứ tư: Ngày 29/3/2024, bà T vay số tiền 42.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng nhưng mỗi tháng Võ Kim A chỉ lấy lãi là 4.000.000 đồng/tháng. Số tiền này bà T nhận đủ số tiền 42.000.000 đồng. Đối với số tiền này bà T phải trả lãi tổng là 04 tháng, từ tháng 3/2024 đến ngày 20/7/2024 là 16.000.000 đồng.

Lần thứ năm: Ngày 30/3/2024, bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Bà T thực nhận số tiền 100.000.000 đồng. Đối với số tiền này bà T phải trả lãi cho Võ Kim A tổng là 04 tháng từ tháng 3/2024 đến ngày 20/7/2024 là 40.000.000 đồng.

Lần thứ sáu: Ngày 26/4/2024, bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng. Bà T thực nhận số tiền 100.000.000 đồng. Đối với số tiền này bà T phải trả lãi cho Võ Kim A tổng là 03 tháng, từ tháng 4/2024 đến ngày 20/7/2024 là 30.000.000 đồng.

Ngày 25/5/2024, Võ Kim A đến nhà bà T lập giấy mượn tiền với tổng số tiền bà T phải trả cho Anh cả gốc và lãi đến ngày 20/7/2024 là 935.000.000 đồng, trong đó tiền gốc 06 lần vay là 562.000.000 đồng, tiền lãi theo thỏa thuận 10%/tháng tính đến ngày 20/7/2024 là 314.000.000 đồng, chênh lệch do tính nhầm thêm số tiền 59.000.000 đồng. Số tiền lãi cho vay đúng theo quy định tại

Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 52.466.667 đồng, số tiền lãi vay quá quy định là 261.533.333 đồng, đến nay bà T chưa trả số tiền nào cho A.

Ngày 17/10/2024, bà Phạm Thị Ngọc T có đơn trình báo đến Công an phường T, thành phố T (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), Công an phường T đã lập hồ sơ ban đầu sau đó chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T (nay là Thành phố Hồ Chí Minh) để điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại Samsung Galaxy A7 của Võ Kim A.

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 23/7/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Võ Kim A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Võ Kim A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” (chưa đạt).

2. Về hình phạt: Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s, h khoản 1 Điều 51; Điều 15, 38, 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Kim A 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, bị cáo Võ Kim A kháng cáo xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa, bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 12 tháng 12 năm 2025 và ngày 22 tháng 12 năm 2025, bà Phạm Thị Ngọc T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét và làm rõ hành vi phạm tội của bị cáo Võ Kim A và ông Võ Ngọc B vì có dấu hiệu bỏ lọt tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo đúng quy định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự, với khung hình phạt: Phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng; phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Đối với kháng cáo của bị cáo Võ Kim A: Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo kháng cáo và cung cấp thêm các tài liệu: giấy ra viện của cha, mẹ bị cáo và bản thân bị cáo, xác nhận con bị cáo đang đi học. Nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế, trực tiếp ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch dân sự, vi phạm quy định của pháp luật về lãi suất, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương, vì hành vi này làm phát sinh hệ quả xấu trong xã hội nên cần phải xử lý nghiêm. Tuy nhiên, bị cáo nhiều lần cho bà T vay với lãi suất vượt mức quy định nhưng hành vi phạm tội này của bị cáo chưa nhận được số tiền gốc và lãi cũng như tiền thu lợi bất chính nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá, tính chất, mức độ và áp dụng các Điều 15, Điều 57 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 07 tháng tù là phù hợp, không nặng nên không có cơ sở xem xét kháng cáo của bị cáo.

- Đối với đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T: Trong vụ án này, do bị cáo thực hiện hành vi là xâm phạm đến trật tự trong quản lý kinh tế nên bà T tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (rút kinh nghiệm đối với Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh khi ban hành cáo trạng truy tố, triệu tập bà T với tư cách là bị hại). Xét thấy: ngày 25/5/2024, bị cáo Võ Kim A cùng chồng là ông Võ Ngọc B đến nhà bà T viết giấy vay tiền 935.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng tính đến ngày 20/7/2024, trong đó có số tiền gốc là 562.000.000 đồng và tiền lãi 10%/tháng, do tính nhầm nên chênh lệch số tiền 59.000.000 đồng nhưng chưa chiếm đoạt được tài sản. Tuy ông B có lời nói đe dọa nhưng không nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản (tiền) mà do tức giận xuất phát từ việc bà T vay tiền nhưng không trả cho vợ ông là bị cáo Kim A. Việc ký hợp đồng chuyển giao nợ với công ty thu hồi nợ là để đòi nợ bà T, sau khi hết thời hạn thanh toán nợ, bà T bán nhà nhưng không trả nợ cho bị cáo nên vợ chồng bị cáo có hành vi đánh đập bà T nhưng thương tích 00%. Việc viết giấy vay số tiền 935.000.000 đồng với lãi suất 10%/tháng tính đến ngày 20/7/2024 này giữa bà T và bị cáo Kim A thì bị cáo đã bị truy tố và xét xử về tội danh “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự nên không có căn cứ xem xét dấu hiệu của tội “Cưỡng đoạt tài sản” đối với bị cáo. Do đó, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T không có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Kim A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 103/2025/HS-ST ngày 04/12/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Huỳnh Thị Thanh H1 trình bày: bị hại nhờ bị cáo vay tiền cho bị hại mượn nên bị cáo mới lấy lãi 10% chứ không phải bị cáo lấy tiền của mình cho bị hại mượn. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s, i, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội chưa đạt, bị cáo đang bị bệnh tim, gia đình bị cáo khó khăn, có cha mẹ

hiện cũng đang bị bệnh tim, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo được hưởng án treo.

Bị cáo đồng ý bài bào chữa của Luật sư và không tranh luận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T có đơn xin vắng mặt, trong đó có nội dung: đề nghị Tòa án xem xét xử thật nặng đối với hành vi phạm tội của bị cáo Võ Kim A.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị Ngọc T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Võ Kim A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có kháng cáo là bà Phạm Thị Ngọc T vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 351 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T.

[3] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 15/11/2023 đến ngày 26/4/2024 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Võ Kim A đã có hành vi cho bà Phạm Thị Ngọc T vay tiền 06 lần với tổng số tiền là 562.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng (tương đương với 120%/năm) vượt quá 05 lần với lãi suất 20%/năm theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự, số tiền lãi vay đúng quy định là 52.466.667 đồng, số tiền lãi quá quy định nhằm thu lợi bất chính là 261.533.333 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Kim A về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử xét thấy: mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp; tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại, bị

cáo phạm tội chưa đạt; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đang bị bệnh tim cần phải điều trị; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà căn cứ Điều 65 của Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Sửa Bản án sơ thẩm số 103/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T đề nghị xem xét hành vi của bị cáo Võ Kim A và ông Võ Ngọc B có dấu hiệu của tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại Điều 170 của Bộ luật Hình sự, xét thấy: ngày 25/5/2024, bị cáo và ông B đến nhà bà T, ông B có lời nói nhưng không dùng vũ lực hay đe dọa dùng vũ lực, không chiếm đoạt tài sản của bà T. Lời nói của ông B xuất phát từ nguyên nhân bà T vay tiền lâu nhưng không trả tiền. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T thừa nhận khi ký tên giấy vay tiền ngày 25/5/2024 không bị đe dọa hay đánh đập mà hoàn toàn tự nguyện và bà T hứa đến ngày 20/7/2024 bán đất sẽ trả tiền gốc và lãi cho bị cáo. Ngày 13/9/2024, bị cáo và ông B có đánh bà T nhưng theo Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 712/2024/KLGD-TTPY ngày 02/12/2024 của Phạm Thị Ngọc T là 00%. Việc bà T bị đánh là do bà T bán đất được nhưng không trả nợ cho bị cáo như đã hứa, việc đánh đập là do bức xúc về hành vi không trả tiền nợ như thỏa thuận tại giấy vay tiền ngày 25/5/2024 chứ không mục đích chiếm đoạt tài sản. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc T.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo là không cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[6] Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là không cùng quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[7] Các phần quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Về án phí hình sự phúc thẩm: do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị Ngọc T kháng cáo về nội dung hình sự (bỏ lọt tội phạm) nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị Ngọc T. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Kim A. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 103/2025/HS-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15; Điều 57 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Kim A 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” (chưa đạt). Thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (ngày 09 tháng 02 năm 2026).

Giao bị cáo Võ Kim A cho Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Võ Kim A, bà Phạm Thị Ngọc T không phải nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- Tòa án nhân dân khu vực 17 - TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 17 - TP.HCM;
- UBND phường, xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 20. (54)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huỳnh Đức